

Thứ năm, ngày 8 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phục hồi tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 09/08/2019		•	
Tuần 5/8-9/8/2019	•		
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Trong phiên sáng, VN-Index giằng co quanh mốc tham chiếu trước khi bứt phá nhờ lực mua gia tăng ở các mã có vốn hóa lớn như VIC, VCB, VHM. Đến phiên chiều, xuất phát từ lực kéo của bộ đôi nhà Vin, đà tăng được nới rộng và chỉ số kết thúc phiên ở mốc 975.24 điểm. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng hôm nay mặc dù áp lực bán đã giảm so với các phiên trước. **VN-Index có phiên giao dịch tích cực theo xu hướng chung trong khu vực cùng với thanh khoản cải thiện rõ rệt nhờ động thái xoa dịu thị trường của NHTW các nước trên thế giới.** Tiêu biểu trong số đó là việc NHTW Trung Quốc ấn định tỉ giá trung tâm là 7.0039 NDT đổi 1 USD, mạnh hơn mức dự báo của các chuyên gia. Điều này cho thấy ngân hàng trung ương đang cố gắng giữ tiền tệ ở mức tương đối ổn định.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng giá theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại ở ngưỡng 865 điểm với các hợp đồng ngắn hạn, và canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng. Chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn của cổ phiếu cơ sở HPG, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới. Tuy nhiên, trong trung hạn, HPG vẫn đang hoạt động theo xu hướng giảm giá kéo dài, và có thể tạo áp lực giảm lên nhóm chứng quyền này khi cổ phiếu cơ sở tiếp cận các ngưỡng kháng cự 27 và 33.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán

+2.1%. Danh mục Bảo hiểm & Chứng khoán hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +2.1%, cao hơn mức tăng +1.0% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Hàng tiêu dùng giảm nhẹ -0.1%.

Phân tích kỹ thuật: BVH_Đào chiều tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+9.31 điểm**, đóng cửa 975.24. HNX-Index **+1.01 điểm**, đóng cửa 102.90.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.05); VHM (+1.50); HPG (+1.02); BVH(+0.95); VRE (+0.55).**
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.18); MWG (-0.13); PNJ (-0.11); CTD (-0.06); BHN (-0.05).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,450.87 tỷ đồng, **+22.98%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.62 điểm. Thị trường có **192** mã tăng và **112** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **121.21 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VJC (48.97 tỷ), SSI (22.04 tỷ) và KBC (18.52 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.79 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

VN-INDEX **975.24**Giá trị: 3450.87 tỷ **9.31 (0.96%)**

Khối ngoại (ròng): -121,21 tỷ

HNX-INDEX **102.90**Giá trị: 299.68 tỷ **1.01 (0.99%)**

Khối ngoại (ròng): -1,79 tỷ

UPCOM-INDEX **58.36**Giá trị: 463.6 tỷ **0.14 (0.24%)**

Khối ngoại(ròng): 11.28 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.5	2.74%
Giá vàng	1,498	-0.25%
Tỷ giá USD/VND	23,221	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,043	0.31%
Tỷ giá JPY/VND	21,876	0.14%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	4.90%
LS TPCP 5 năm	3.6%	-1.39%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTD	28.6	VJC	62.8
HBC	18.1	HPG	56.9
BID	15.1	VRE	44.3
PLX	7.0	BHM	42.9
PTB	6.7	MSN	18.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán +2.1%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.1%	-1.6%	-3.7%	-4.3%	1.8%	-1.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.1%	1.5%	-1.4%	2.8%	9.9%	22.4%
Vật liệu Xây dựng	2.1%	1.0%	0.5%	0.8%	11.3%	10.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.8%	-0.4%	-0.6%	2.6%	4.0%	1.5%
Chiến tranh thương mại	1.7%	3.3%	-2.0%	4.2%	5.8%	15.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.6%	-2.8%	-0.1%	0.2%	8.3%	1.7%
Dầu khí	1.5%	-3.8%	-2.0%	-2.8%	12.7%	2.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.3%	-1.0%	-2.0%	-4.2%	2.5%	-4.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.2%	4.1%	6.6%	7.2%	5.7%
Xây dựng	1.1%	-1.8%	-4.4%	-6.0%	-5.9%	-12.6%
Nước & Năng lượng	1.0%	-2.0%	-5.4%	-0.5%	4.5%	13.6%
Ngân hàng	0.8%	-0.9%	2.8%	4.2%	5.0%	-2.5%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	-1.2%	-1.1%	3.1%	5.1%	1.9%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	1.4%	3.3%	5.5%	10.3%	12.9%

VNINDEX	1.0%	-2.2%	0.6%	2.4%	7.3%	0.9%
VN30INDEX	0.9%	-1.3%	0.6%	0.5%	1.9%	-6.5%

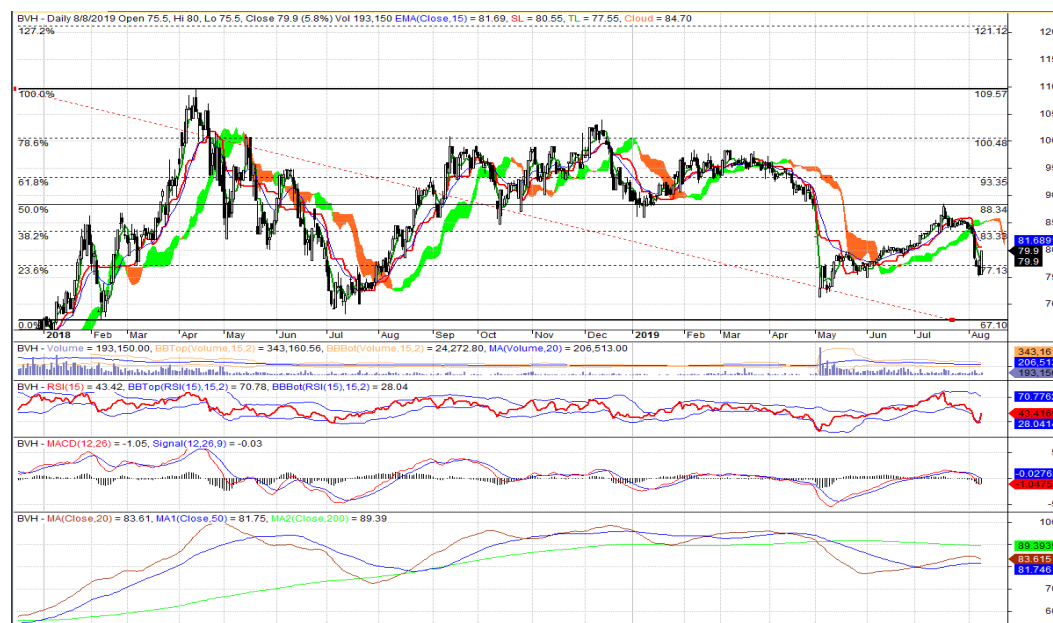
Phân tích kỹ thuật

BVH_Đào chiều tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD dưới đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ vùng quá bán.
- Đường MAs: 3 đường MA nằm trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu BVH vừa tạo thành một phiên hồi phục với thanh khoản vượt ngưỡng trung bình 20 phiên sau khi tạo đáy tại vùng giá 75. Chỉ báo RSI đang báo hiệu xu hướng tích cực trong khi chỉ báo MACD vẫn duy trì xu hướng điều chỉnh. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku khi đây mới là tín hiệu khởi đầu của xu hướng hồi phục. Như vậy, BVH sẽ hồi phục trở lại vùng giá 88-90 trong các phiên giao dịch tới.

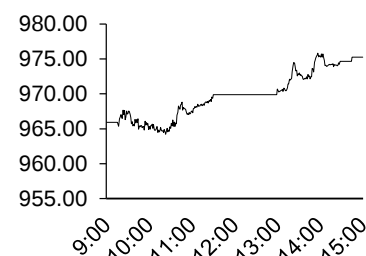


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

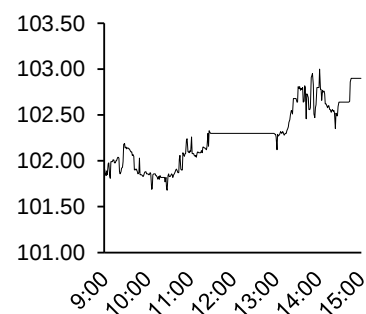
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-0.86%
Bán lẻ	-0.75%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.58%
Thực phẩm và đồ uống	-0.06%
Xây dựng và Vật liệu	0.37%
Điện, nước & xăng dầu khí c	0.38%
Ngân hàng	0.39%
Du lịch và Giải trí	0.69%
Công nghệ Thông tin	0.78%
Y tế	0.83%
Dịch vụ tài chính	0.87%
Dầu khí	0.94%
Hóa chất	1.00%
Ô tô và phụ tùng	1.19%
Bất động sản	2.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.79%
Tài nguyên Cơ bản	4.23%
Bảo hiểm	4.81%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 08/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 08/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.42	-2.20%	-10.49%	-9.07%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.58	-2.38%	-11.63%	-10.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	-2.16%	-13.32%	-13.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1499.37	1.73%	6.00%	7.39%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.11	3.99%	5.22%	13.83%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	850.06	0.15%	-1.61%	-2.88%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	487.46	0.77%	0.04%	-5.67%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.54	-0.17%	1.68%	1.21%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	191.90	0.47%	-11.49%	-16.93%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.34	-3.32%	-7.13%	-8.92%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.78	0.00%	-3.14%	16.32%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	97.35	0.31%	-2.76%	-7.49%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.58	1.16%	-2.82%	-2.75%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3802.00	0.00%	-6.15%	0.66%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1759.00	-0.23%	-2.44%	-2.76%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	101.50	-3.33%	-13.98%	-13.25%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	72.80	-0.55%	-2.08%	-4.27%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 07/08 giảm 2.71 USD, tương đương 4.6%, xuống 56.23 USD/thùng.
- Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn giảm 2.54 USD, tương đương 4.7% xuống 51.09 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong đầu phiên giao dịch do lo ngại về chiến tranh thương mại, và dự trữ dầu thô của Mỹ trong tuần trước không giảm mạnh như dự kiến, chỉ giảm 2,4 triệu thùng so với dự kiến là 2,8 triệu thùng. Tuy nhiên, giá dầu giảm được hạn chế bởi các quan chức của Saudi Arabia đang xem xét tất cả các lựa chọn nhằm ngăn chặn sự suy giảm giá dầu và họ cho rằng giá dầu giảm do lo ngại suy giảm kinh tế, chứ không phải do dư cung dầu thô.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 2% lên 1,503.56 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 của Mỹ tăng 2.4% lên 1,519.6 USD/ounce. Tính đến nay, giá vàng giao ngay tăng hơn 19% kể từ mức thấp nhất trong năm nay (1,265.85 USD/ounce) trong tháng 5/2019.
- Vàng tăng hơn 2% và vượt ngưỡng 1.500 USD/ounce – lần đầu tiên – trong hơn 6 năm do các nhà đầu tư đổ xô tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn, bởi một loạt các bất ổn bao gồm thương mại Mỹ - Trung và nền kinh tế toàn cầu chậm lại.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 5.4% xuống 660.5 CNY. Trong phiên có lúc giảm 5.7% xuống 658 CNY (93.46 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 26/6/2019. Tính từ đầu tháng 8/2019 đến nay giá quặng sắt giảm hơn 12%.
- Giá quặng sắt tại Đại Liên giảm phiên thứ 5 liên tiếp xuống mức thấp nhất 6 tuần, trong bối cảnh nguồn cung gia tăng và nhu cầu suy yếu.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2019 trên sàn Thượng Hải giảm 0.9% xuống 3,711 CNY/tấn, thấp nhất kể từ ngày 18/6/2019.

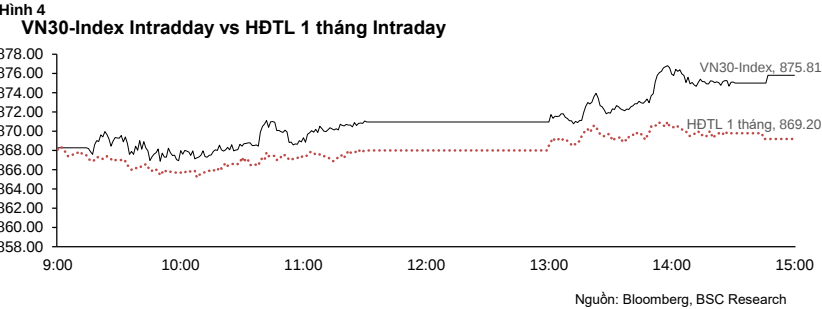
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên giảm 0.3 US cent tương đương 0.3% xuống 96.75 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 6 USD tương đương 0.5% xuống 1,301 USD/tấn. Giá cà phê giảm do Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) dự báo tăng sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2018/19 lên 168,77 triệu bao (60kg/bao) từ mức 167,75 triệu bao dự báo trước đó.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.11 US cent tương đương 0.9% xuống 11.62 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 2.5 USD tương đương 0.8% xuống 313.7 USD/tấn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 07/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 1.1 JPY (0.0104 USD) lên 167 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 90 CNY (12.79 USD) lên 11,495 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo tăng theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	869.20	0.49%	-6.61	0.8%	89059	8/15/2019	7
VN30F1909	871.50	0.40%	-4.31	1.9%	272	9/19/2019	42
VN30F1912	875.00	0.34%	-0.81	70.5%	75	12/19/2019	133
VN30F2003	875.40	0.40%	-0.41	200.0%	36	3/19/2020	224

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 7.54 điểm lên mức 875.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VIC, VHM, GMD, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên hồi phục tích cực và tiếp cận ngưỡng hỗ trợ 877 điểm. Trong trung hạn, chỉ số vẫn đang vận động theo xu hướng tích lũy kéo dài trong vùng giá 860-895 điểm.
- Các HDTL đều tăng giá theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, HDTL đều đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909 đang tăng, các hợp đồng còn lại đều đang giảm. Điều này tiếp tục phản ánh kỳ vọng giảm giá trong ngắn hạn và phục hồi trong trung hạn của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại ở ngưỡng 865 điểm với các hợp đồng ngắn hạn, và cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CHPG1901	MBS	9/10/2019	33	2:1	34,690	-71.8%	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	35	2:1	40,520	-27.2%	29.96%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	125	5:1	473,340	243.1%	29.96%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	53	1:1	79,250	36.1%	18.93%
CFPT1901	VND	9/11/2019	34	2:1	83,900	19.2%	18.93%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	144	1:1	31,970	-64.6%	18.93%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	53	1:1	77,800	265.1%	29.96%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	131	1:1	49,980	-71.7%	21.30%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	32	4:1	112,260	187.2%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	144	1:1	18,690	-93.0%	20.87%
CMWG1902	VND	12/11/2019	125	4:1	29,690	-62.0%	20.87%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	51	1:1	106,100	7.0%	21.30%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	144	1:1	70,870	45.8%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	33	5:1	88,760	63.1%	22.75%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	127	10:1	301,550	32.7%	22.20%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	144	5:1	105,310	-32.7%	20.87%

Chú thích:
* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng. Chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- CHPG1901, CHPG1903 và CMWG1902 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 27.54%, 17.65% và 17.02%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 0.10%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.
- Hầu hết các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, ngoại trừ một số chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn của cổ phiếu cơ sở HPG, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới. Tuy nhiên, trong trung hạn, HPG vẫn đang hoạt động theo xu hướng giảm giá kéo dài, và có thể tạo áp lực giảm lên nhóm chứng quyền này khi cổ phiếu cơ sở tiếp cận các ngưỡng kháng cự 27 và 33.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.30	5.43	2.77
VIC	122.00	3.39	2.36
GMD	28.00	5.86	0.58
MBB	21.60	1.41	0.53
REE	34.00	6.58	0.50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
PNJ	84.8	-2.08	-0.45
MWG	113.0	-0.88	-0.40
NVL	58.9	-1.17	-0.36
CTD	107.0	-2.82	-0.18
VPB	18.7	-0.27	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,200	880	27.54%	550
1,500	800	17.65%	482
1,000	550	17.02%	0
3,800	5,500	9.78%	4,762
1,900	3,170	7.82%	2,761
6,000	7,700	6.94%	5,713
2,200	1,710	6.88%	1,242
3,200	2,800	1.82%	1,181
2,000	6,500	1.72%	6,267
14,000	27,800	0.83%	24,823
2,990	7,450	0.68%	6,139
1,900	2,170	0.46%	1,295
3,300	3,110	0.32%	2,056
1,700	2,380	-0.83%	1,339
1,200	810	-1.22%	17
2,700	5,250	-2.60%	4,024

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	113,000
CHPG1901	47,999	22,900	23,300
CHPG1902	168,888	41,999	23,300
CHPG1903	22,100	23,200	23,300
CMBB1901	23,700	20,600	21,600
CMBB1902	26,300	21,800	21,600
CMWG1902	48,990	90,000	113,000
CPNJ1901	26,300	77,981	84,800
CVNM1901	47,200	158,888	120,900
CFPT1902	96,981	46,000	50,300
CFPT1903	57,000	46,000	50,300
CHPG1904	98,800	23,100	23,300
CHPG1905	93,300	23,100	23,300
CMWG1903	25,800	95,000	113,000
CMWG1904	165,000	90,000	113,000
CFPT1901	27,000	45,000	50,300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.0	-0.9%	0.7	2,175	4.3	7,893	14.3	4.8	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	84.8	-2.1%	1.0	821	4.4	4,727	17.9	4.6	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	79.9	5.8%	1.3	2,435	0.7	1,503	53.1	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.8	1.7%	0.7	370	0.6	3,061	12.0	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.0	3.4%	1.1	17,748	2.9	1,673	72.9	5.0	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.5	2.3%	1.1	3,594	2.5	1,033	34.4	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.9	-1.2%	0.8	2,383	1.3	3,579	16.5	2.7	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	34.0	6.6%	1.0	458	2.0	5,261	6.5	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.1	-0.7%	1.4	230	1.4	3,744	4.0	1.0	48.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.2	0.0%	1.3	469	2.4	1,997	10.6	1.1	58.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.6	1.2%	1.0	238	0.1	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.3	3.3%	1.4	269	1.0	1,434	14.1	1.5	56.9%	11.1%
FPT	Công nghệ	50.3	1.1%	0.8	1,483	4.6	4,349	11.6	2.6	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	42.5	3.7%	0.4	460	0.0	3,778	11.2	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.0	0.5%	1.5	8,405	1.7	6,019	16.8	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.2	0.3%	1.5	3,166	1.2	3,271	19.0	3.7	13.1%	20.2%
PVS	Dầu khí	21.0	2.9%	1.7	436	3.0	2,351	8.9	0.8	24.3%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.8	-1.0%	0.8	1,321	0.7	1,163	8.4	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.6	-0.1%	0.5	543	0.2	4,602	20.8	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	1.5%	0.7	234	0.3	838	16.4	0.7	20.1%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	0.8%	0.7	186	0.0	894	9.0	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	78.5	0.1%	1.3	12,659	2.1	4,730	16.6	3.8	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	34.7	0.0%	1.5	5,158	1.4	2,107	16.5	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.5	1.2%	1.6	3,311	2.0	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	18.7	-0.3%	1.2	1,997	1.0	2,965	6.3	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	21.6	1.4%	1.1	1,985	2.9	3,215	6.7	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.0	1.9%	1.1	1,551	1.0	3,438	6.4	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	52.3	6.3%	0.9	186	1.4	5,040	10.4	1.8	76.7%	17.2%
NTP	Nhựa	41.5	9.8%	0.4	161	0.3	4,490	9.2	1.6	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.6%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.3	5.4%	1.0	2,797	11.1	2,898	8.0	1.5	38.5%	19.9%
HSG	Thép	6.8	0.1%	1.5	126	0.5	425	16.1	0.5	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	120.9	-0.1%	0.8	9,154	3.0	5,465	22.1	7.4	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	280.0	0.0%	0.8	7,807	0.7	6,735	41.6	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.8	0.0%	1.2	3,802	2.6	3,304	22.6	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.2	-0.6%	0.5	370	0.9	542	29.9	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	85.8	3.4%	0.8	8,121	1.3	2,630	32.6	6.1	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	131.1	0.2%	1.1	3,087	3.8	9,850	13.3	5.1	19.9%	43.3%
HAV	Vận tải	40.0	1.9%	1.7	2,464	0.6	1,747	22.9	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.0	5.9%	0.8	361	4.1	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.5	2.8%	0.6	226	1.4	2,505	7.4	1.3	31.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.5	-0.8%	0.9	583	1.0	7,458	11.5	4.4	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	-0.5%	0.9	378	0.2	1,333	14.6	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	107.0	-2.8%	0.7	355	0.2	13,465	7.9	1.0	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.1	1,307	20.3	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.7	3.3%	0.5	234	1.1	485	44.8	1.1	52.8%	2.4%
POW	Điện	13.4	-0.4%	0.6	1,359	0.8	820	16.3	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	24.3	0.0%	0.6	304	0.3	2,241	10.8	1.7	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.00	3.39	3.95	545170.00
HPG	23.30	5.43	0.98	11.12MLN
BVH	79.90	5.83	0.91	193150.00
VRE	35.50	2.31	0.55	1.61MLN
VHM	84.50	0.60	0.50	556040.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.00	1.85	0.68	1.07MLN
PVS	21.00	2.94	0.15	3.32MLN
NTP	41.50	9.79	0.11	170000.00
DGC	31.40	1.95	0.05	359200.00
PHP	11.10	9.90	0.04	29500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	58.90	-1.17	-0.19	496840.00
MWG	113.00	-0.88	-0.13	862840.00
PNJ	84.80	-2.08	-0.12	1.18MLN
CTD	107.00	-2.82	-0.07	35170.00
BHN	94.20	-0.84	-0.06	1320.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	32.00	-2.44	-0.03	2200.00
NVB	7.60	-1.30	-0.03	139200.00
VCS	85.50	-0.81	-0.02	270800.00
KLF	1.20	-7.69	-0.02	113200.00
DL1	29.80	-1.00	-0.01	9000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	74.90	7.00	0.02	10160.00
PLP	9.63	7.00	0.01	74150.00
PME	54.00	6.93	0.08	38350.00
VSC	28.60	6.92	0.03	472550.00
DVP	43.30	6.91	0.03	275350.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	52200.00
DST	1.00	11.1	0.00	93000.00
CMC	4.40	10.0	0.00	300.00
PHP	11.10	9.9	0.04	29500.00
PSE	7.80	9.9	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SRF	13.65	-6.83	-0.01	5850.00
TCR	1.64	-6.82	0.00	50.00
EMC	13.00	-6.47	0.00	520.00
L10	17.70	-6.35	0.00	10.00
TMT	6.32	-6.23	-0.01	6390.00

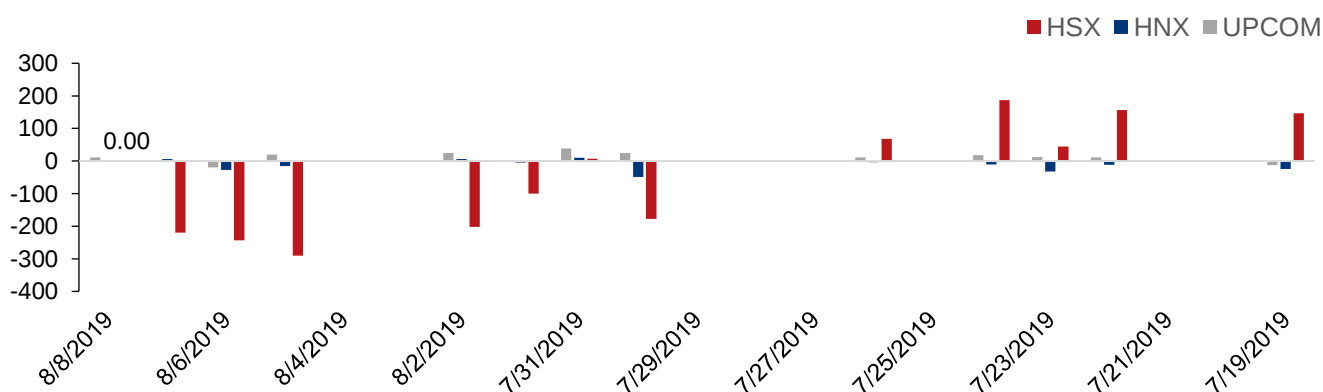
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	83800.00
DPS	0.50	-16.67	0.00	238900.00
SAF	51.00	-9.89	-0.01	300.00
PGT	3.70	-9.76	0.00	68200.00
L61	12.40	-9.49	0.00	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_ Quý 3/2018_ Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_ Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	58.2	5,276	11.0	3.1	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.6	4,234	6.8	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.0	3,438	6.4	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	20.0	3,754	5.3	1.5	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	16.1	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		51.3	4,314	11.9	3.5	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.8	3,304	22.6	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	156.4	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.0	1,888	14.8	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	113.0	7,893	14.3	4.8	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.6	3,751	8.2	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	83.5	18,452	4.5	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.5	1,294	15.1	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.7	3,481	5.4	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	19.0	2,655	7.2	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	50.3	4,349	11.6	2.6	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	22.4	3,149	7.1	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	37.2	8,518	4.4	2.2	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.1	2,589	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express HBC 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 16000 ; Giá tại Publish 14000 BSC dự báo KQKD 2019F của HBC với DT và LNST đạt lần lượt 17,191 tỷ đồng (-6.05% yoy) và 525 tỷ đồng (-16.5% yoy), tương ứng EPS FW đạt 2,667 VNĐ/cp. BSC khuyến nghị Theo Dõi với giá mục tiêu là 16,000 VNĐ/CP, upside 7.1%, dựa theo phương pháp P/E với P/E mục tiêu là 6x.
Express LCG 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 12900 ; Giá tại Publish 10000 BSC dự báo KQKD 2019F LCG với DT và LNST đạt lần lượt 2778.6 tỷ đồng (+10% yoy) và 204.6 tỷ đồng (+11.9% yoy) tương ứng EPS FW đạt 1,870 đồng/cp. Chúng tôi lưu ý các dự án điện mặt trời như Solar Chư Ngọc 1 có thể được LCG chuyển nhượng lại trong 2H2019 và các dự án điện mặt trời khác LCG đang tăng tỷ lệ sở hữu lên nên sẽ ghi nhận thêm doanh thu mảng điện. Vì thế BSC dự báo KQKD 2019 của LCG dựa trên HDKD cốt lõi chưa cộng thêm lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng dự án.
Express LTG 2019Q3	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23500 Lũy kế 6 tháng đầu năm , LTG đạt Doanh thu và LNST lần lượt 4,600 tỷ đồng (-0.8% yoy) và 254.8 tỷ đồng (+33% yoy), hoàn thành 53% kế hoạch doanh thu và 49% kế hoạch LNST. Chúng tôi đánh giá KQKD của LTG trong 6 tháng đầu năm có nhiều cải thiện nhờ mảng thuốc BVTV kinh doanh tốt trong vụ mùa đông xuân đầu năm, tuy nhiên sang Q3 khả năng vụ mùa hè thu và thu đông sẽ khó hơn so với đầu năm.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.1%	-1.6%	-3.7%	-4.3%	1.8%	-1.7%	53.0%	86.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.1%	1.5%	-1.4%	2.8%	9.9%	22.4%	59.4%	159.1%
Vật liệu Xây dựng	2.1%	1.0%	0.5%	0.8%	11.3%	10.9%	23.1%	173.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.8%	-0.4%	-0.6%	2.6%	4.0%	1.5%	75.3%	105.9%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	-1.2%	-1.1%	3.1%	5.1%	1.9%	45.8%	100.9%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	1.4%	3.3%	5.5%	10.3%	12.9%	74.2%	213.9%
* Note	Danh mục Bảo hiểm & Chứng khoán hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +2.1% , cao hơn mức tăng +1.0% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Hàng tiêu dùng giảm nhẹ -0.1% .							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 14	2.3%	0.9%	0.7%	0.5%	5.7%	2.8%	42.5%	50.7%
Danh mục 15	2.0%	0.0%	2.4%	3.5%	4.9%	3.2%	71.6%	160.6%
Danh mục 1	1.8%	0.1%	2.5%	3.7%	5.7%	4.4%	71.9%	131.0%
Danh mục 3	0.3%	-0.5%	-0.6%	-1.1%	3.0%	-2.0%	34.8%	120.4%
Danh mục 2	0.0%	-1.4%	-0.4%	-0.6%	4.7%	2.1%	81.7%	253.5%
* Note	Tất cả các danh mục Mục tiêu đều có mức hiệu suất ngày tăng - khả quan .							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	2.3%	1.6%	4.1%	3.1%	9.3%	15.3%	138.1%	221.1%
Danh mục 21	2.2%	-0.2%	0.9%	2.9%	10.0%	2.6%	49.8%	56.1%
Danh mục 25	2.1%	2.4%	7.4%	13.5%	28.4%	45.2%	211.5%	260.9%
Danh mục 19	1.2%	-0.4%	2.2%	4.8%	9.4%	9.0%	57.9%	121.6%
Danh mục 22	0.2%	-1.4%	2.4%	5.2%	10.6%	1.7%	64.6%	166.2%
* Note	Tất cả các danh mục Rủi ro đều có mức hiệu suất ngày tăng - khả quan .							
INDEX								
VNINDEX	1.0%	-2.2%	0.6%	2.4%	7.3%	0.9%	54.9%	61.1%
VN30INDEX	0.9%	-1.3%	0.4%	-0.1%	1.9%	-7.4%	42.5%	36.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cần trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

